

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 134/QĐ-CDPD ngày 28 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng trường cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng)*

Tên ngành, nghề : Y SỸ ĐA KHOA
Mã ngành, nghề : 5720101
Trình độ đào tạo : Trung cấp
Hình thức đào tạo : Chính quy
Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo : 02 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cán bộ y tế - Y sỹ trình độ trung cấp, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khoẻ tốt, ý thức tổ chức kỷ luật và có tinh thần trách nhiệm trước sức khoẻ và tính mạng người bệnh; có đủ kiến thức và kỹ năng, có khả năng quản lý, khám và điều trị một số bệnh thông thường theo quy định, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về:
 - + Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người.
 - + Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khoẻ con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khoẻ.
- Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường.
- Trình bày được Luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường.
- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở.

- Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng.

- Chuyên tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở.

- Tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch.

- Truyền thông giáo dục sức khỏe; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khỏe ở tuyến y tế cơ sở.

- Quản lý trạm y tế xã.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

1.3. Vị trí, việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người Y sỹ sau khi tốt nghiệp được phân công công tác tại tuyến y tế cơ sở, trạm y tế xã/phường, bệnh viện đa khoa huyện, quận, tỉnh, TW và các bệnh viện chuyên khoa các tuyến, có thể học liên thông lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 33 MH

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 81 TC

- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.815 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 687 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1289 giờ; Kiểm tra: 43 giờ.

3. Nội dung đào tạo:

Mã MH	Tên môn học	Số TC	Thời gian học tập (giờ)				MH
			Tổng số	Trong đó			HT
				LT	TH/ TT/BT	KT	
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13	
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2	
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1	
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3	
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1	
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4	
II	Các môn học chuyên môn	56	1365	533	764	68	
II.1	Môn học cơ sở	19	315	238	58	19	
MH 07	Giải phẫu sinh lý	4	75	41	30	4	
MH 08	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	30	28	0	2	GPSL
MH 09	Dược lý	3	45	43	0	2	GPSL
MH 10	Dinh dưỡng – Vệ sinh ATTP	2	30	28	0	2	GPSL
MH 11	Vệ sinh phòng bệnh	2	30	28	0	2	BTN
MH 12	Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe	2	30	28	0	2	Bệnh NK, NGK
MH 13	Tổ chức y tế và y đức	1	15	14	0	1	DL, DD, VSPB
MH 14	Điều dưỡng cơ bản	3	60	28	28	4	GPSL, DL
II.2	Các MH chuyên môn	23	375	295	60	20	

Mã MH	Tên môn học	Số TC	Thời gian học tập (giờ)				MH
			Tổng số	Trong đó			HT
				LT	TH/ TT/BT	KT	
MH 15	Bệnh học Nội khoa	4	75	41	30	4	GPSL, DL, VS, ĐDCB
MH 16	Bệnh học Ngoại khoa	4	75	41	30	4	GPSL, DL, VS, ĐDCB
MH 17	Sức khoẻ trẻ em	3	45	43	0	2	Bệnh NK, NGK
MH 18	Sức khoẻ sinh sản	3	45	43	0	2	Bệnh NK, NGK
MH 19	Bệnh truyền nhiễm, XH	4	60	56	0	4	
MH 20	Y tế cộng đồng	2	30	28	0	2	KNGT
MH 21	Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng	3	45	43	0	2	Bệnh NK,NGK
II.3	Thực tập cơ bản	14	675	0	646	29	
MH 22	Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ bản	2	90	0	85	5	ĐDCB
MH 23	Thực tập lâm sàng Nội khoa	2	90	0	86	4	BNK
MH 24	Thực tập lâm sàng Ngoại khoa	2	90	0	86	4	BNGK
MH 25	Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm	2	90	0	86	4	BTN
MH 26	Thực tập Sản - Nhi	2	90	0	86	4	SKSS
MH 27	Thực tập Y học cổ truyền	2	90	0	86	4	YHCT
MH 28	Thực tập cộng đồng	2	90	0	86	4	YT
III	Thực tập tốt nghiệp và Đánh giá kỹ năng thực hành tổng hợp cuối khóa	8	360	10	340	10	
MH29	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	220	5	
MH30	Đánh giá kỹ năng thực hành tổng hợp cuối khóa	3	135	10	120	5	
IV	Kỹ năng mềm	5	90	50	37	3	
MH50	Anh văn tăng cường	3	60	22	37	1	

Mã MH	Tên môn học	Số TC	Thời gian học tập (giờ)				MH
			Tổng số	Trong đó			HT
				LT	TH/ TT/BT	KT	
MH32	Kỹ năng mềm	2	30	28	0	2	
	TỔNG CỘNG	81	2070	687	1289	94	